

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 9310102

HÀ NỘI - 2025

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Tạ Thị Đoàn



2. TS. Phùng Lê Dung



Phản biện 1:
.....

Phản biện 2:
.....

Phản biện 3:
.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng..... năm 20...

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nhiều thập niên gần đây, biến đổi khí hậu toàn cầu diễn biến phức tạp, tạo ra những hệ lụy to lớn đối với an ninh lương thực, môi trường và mục tiêu phát triển bền vững. Trước thách thức đó, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) đã khẳng định nông nghiệp sinh thái là một hướng đi tất yếu. Đến năm 2019, Hội đồng FAO xác định 10 thành tố cốt lõi của nông nghiệp sinh thái, bao gồm: tính đa dạng, chia sẻ kiến thức và đồng khởi tạo, tính tương hỗ, tính hiệu quả, sự tái tạo, sức chống chịu, giá trị xã hội nhân văn, truyền thống ẩm thực và văn hoá, quản trị có trách nhiệm, kinh tế tuần hoàn và vững chắc. Đây là sự thay đổi mang tính căn bản nhằm khắc phục hạn chế của cách tiếp cận duy kinh tế trước đây về phát triển - vốn chỉ tập trung vào sản lượng và lợi nhuận, trong khi bỏ qua các yếu tố môi trường, xã hội và văn hóa.

Tại Việt Nam, ngành nông nghiệp đã và đang trải qua quá trình chuyển đổi mạnh mẽ sang nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, có ứng dụng khoa học - công nghệ, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển xanh, tuần hoàn. Những chuyển biến này đã góp phần cải thiện đời sống nông dân, giảm nghèo, nâng cao năng suất lao động và phát huy nội lực phát triển. Tuy nhiên, dưới áp lực hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, nền nông nghiệp nước ta vẫn còn bộc lộ những hạn chế như sản xuất nhỏ lẻ, thiếu tính liên kết chuỗi, tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn thấp (chỉ khoảng 8%, chủ yếu là quy mô nhỏ và siêu nhỏ), khả năng tiếp cận đất đai, vốn và cơ chế chính sách còn nhiều rào cản. Đặc biệt, theo ước tính, những thiệt hại môi trường do nông nghiệp gây ra hằng năm, tạo áp lực lớn cho các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Từ những bất cập đó đòi hỏi cần có những giải pháp toàn diện nhằm huy động, tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thiết yếu như đất đai, vốn, lao động, khoa học - công nghệ và thể chế chính sách phục vụ cho quá trình phát triển nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam.

Tỉnh Phú Thọ, nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi phía Bắc, vốn là địa phương có nhiều tiềm năng và lợi thế trong phát triển nông nghiệp nói chung, nông nghiệp sinh thái nói riêng. Theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11, và được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 12/6/2025, từ ngày 01/7/2025 ba tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc chính thức hợp nhất thành một đơn vị hành chính cấp tỉnh mới, mang tên tỉnh Phú Thọ. Việc hợp nhất này mở ra một không gian phát triển rộng lớn, với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đa dạng, kết hợp giữa đồng bằng, trung du và miền núi.

Trên địa bàn tỉnh mới, đất nông nghiệp chiếm khoảng 70% diện tích tự nhiên, và khu vực nông nghiệp vẫn đóng góp trên 60% tổng thu nhập, thể hiện vai trò trung

tâm của nông nghiệp trong cấu trúc kinh tế vùng. Đồng thời, khu vực này có lợi thế vượt trội về đa dạng sinh học, tri thức bản địa, văn hóa nông nghiệp và truyền thống canh tác lâu đời tạo nền tảng quan trọng để phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hài hòa giữa hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội bền vững.

Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra nhanh chóng trong thời gian qua đã và đang đặt ra những thách thức không nhỏ đối với ngành nông nghiệp. Diện tích đất sản xuất bị thu hẹp do chuyển đổi mục đích sử dụng, ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng, kết cấu hạ tầng nông nghiệp thiếu đồng bộ, sản xuất manh mún, quy mô nhỏ lẻ, khó áp dụng công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, quá trình chuyển dịch lao động từ nông thôn sang các khu công nghiệp và dịch vụ cũng tạo ra sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, làm gia tăng chênh lệch mức sống giữa khu vực nông thôn và đô thị.

Nguyên nhân cốt lõi của những tồn tại trên xuất phát từ sự hạn chế, thiếu đồng bộ và chưa phù hợp trong công tác huy động và sử dụng nguồn lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp sinh thái, đặc biệt trong bối cảnh địa phương vừa có sự chuyển đổi hành chính quy mô lớn. Do đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống và khoa học thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực ở ba tỉnh trước hợp nhất cả mặt tích cực lẫn hạn chế là yêu cầu cần thiết nhằm đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ mới.

Từ những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ”*** làm hướng nghiên cứu cho luận án tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp có tính chiến lược nhằm đẩy mạnh việc huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ đến năm 2035.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, hệ thống hóa và phân tích tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề luận án; từ đó khái quát những kết quả đã đạt được, xác định khoảng trống khoa học và làm rõ những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển.

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở địa phương cấp tỉnh gắn với bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững.

Thứ ba, phân tích, đánh giá một cách toàn diện thực trạng huy động, sử dụng các nguồn lực (nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính) cho phát triển nông nghiệp sinh thái tại ba tỉnh Hoà

Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc trong giai đoạn 2021 - 2024, là thời điểm trước khi hợp nhất thành tỉnh Phú Thọ mới.

Thứ tư, đề xuất hệ thống quan điểm và các giải pháp mang tính khả thi, có cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đẩy mạnh việc huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ mới đến năm 2035.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các nguồn lực và quá trình huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở địa phương cấp tỉnh, trong đó tập trung làm rõ quan hệ giữa các loại nguồn lực (nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ, nguồn lực tài chính) với kết quả phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững trong điều kiện tái cấu trúc không gian hành chính - kinh tế mới.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Luận án lựa chọn tiếp cận theo hướng tập trung vào 04 nhóm nguồn lực cốt lõi, bao gồm: nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính.

- Phạm vi nghiên cứu về không gian: Luận án lựa chọn tập trung nghiên cứu thực trạng huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái tại tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất (gồm không gian ba tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc) trong giai đoạn 2021 - 2024.

- Phạm vi thời gian: Luận án xác định phạm vi thời gian nghiên cứu gồm hai giai đoạn chính:

+ Giai đoạn nghiên cứu thực trạng: Từ năm 2021 đến năm 2024. Đây là thời kỳ tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất - gồm ba tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc còn hoạt động độc lập về mặt hành chính, kinh tế.

+ Giai đoạn định hướng giải pháp: Đến năm 2035. Đây là khoảng thời gian phù hợp với các chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của tỉnh Phú Thọ mới sau hợp nhất.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp với việc quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.

Bên cạnh đó, luận án tiếp cận và kế thừa có chọn lọc các quan điểm lý luận hiện đại về phát triển bền vững, kinh tế sinh thái, kinh tế tuần hoàn, lý thuyết về nguồn lực và mô hình phát triển nông nghiệp tích hợp.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án vận dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu của ngành Kinh tế chính trị, bảo đảm sự kết hợp giữa phương pháp luận trừu tượng hóa khoa học của

Kinh tế chính trị Mác - Lênin và các phương pháp cụ thể trong phân tích lý luận và thực tiễn. Các phương pháp được sử dụng bao gồm: Phương pháp luận trừu tượng hóa khoa học; Phương pháp phân tích - tổng hợp; Phương pháp logic - lịch sử; Phương pháp thống kê và so sánh; Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp; Phương pháp điều tra thực tiễn thông qua phỏng vấn sâu; Phương pháp phân tích bối cảnh.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Đóng góp về mặt lý luận

Thứ nhất, luận án xây dựng và làm rõ khái niệm “Nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái” dưới góc tiếp cận của Kinh tế chính trị, bao gồm 04 nhóm nguồn lực chủ yếu: nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính. Đồng thời, luận án đề xuất bộ tiêu chí đánh giá việc huy động, sử dụng các nguồn lực này trong phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững.

Thứ hai, trên cơ sở tổng hợp và phân tích lý luận, luận án đã khái quát các ưu điểm và hạn chế trong quá trình huy động, sử dụng nguồn lực ở tỉnh Phú Thọ trước khi hợp nhất, giai đoạn 2021 - 2024; qua đó chỉ ra nguyên nhân căn bản dẫn tới những bất cập này, cả từ phía chủ thể quản lý Nhà nước lẫn cơ chế thực thi chính sách và năng lực của các tác nhân kinh tế tại địa phương.

Thứ ba, luận án góp phần bổ sung hệ thống lý luận về hoạch định chiến lược phát triển nông nghiệp sinh thái thông qua việc đề xuất hệ thống quan điểm và khung giải pháp chính sách có cơ sở lý luận vững chắc, phục vụ cho việc tổ chức, điều tiết và đẩy mạnh việc huy động, sử dụng nguồn lực tại tỉnh Phú Thọ mới đến năm 2035. Những đóng góp này có thể tham khảo, vận dụng tại các địa phương có điều kiện tương đồng về tự nhiên, xã hội và thể chế.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Thứ nhất, các kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cơ sở thực tiễn có giá trị tham khảo cho tỉnh Phú Thọ trong việc xây dựng chiến lược phát huy hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái trong bối cảnh mới sau khi hợp nhất. Những phân tích và đề xuất trong luận án góp phần định hướng cụ thể hóa các mục tiêu, chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái của tỉnh đến năm 2035.

Thứ hai, các giải pháp đề xuất trong luận án có thể vận dụng linh hoạt tại các địa phương có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Phú Thọ đặc biệt là các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc đang trong quá trình tái cấu trúc mô hình phát triển nông nghiệp gắn với bảo tồn sinh thái và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Thứ ba, luận án là tài liệu tham khảo có giá trị đối với học viên cao học, nghiên cứu sinh và nhà nghiên cứu thuộc các chuyên ngành như: Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Chính trị học, Lãnh đạo học, Chính sách công; đồng thời cũng hữu ích cho cán bộ quản lý và những người quan tâm đến lĩnh vực phát triển nông nghiệp sinh thái - một xu hướng phát triển bền vững đang được ưu tiên thúc đẩy tại Việt Nam.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục kèm theo, luận án được kết cấu gồm có 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nguồn lực cho phát triển nông nghiệp nói riêng

1.1.1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến nguồn lực chung cho phát triển kinh tế - xã hội

Các công trình theo hướng này chủ yếu tập trung khai thác khái niệm nguồn lực, phân loại nguồn lực dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Các công trình đều khẳng định nguồn lực giữ vai trò then chốt, quyết định năng lực phát triển và sức cạnh tranh của mỗi quốc gia cũng như từng địa phương. Trong đó, một số tác giả tiêu biểu có thể kể đến như: Nguyễn Văn Phúc, Mai Thị Thu (2012), Nguyễn Vĩnh Thanh, Tạ Thị Đoàn (2018) đi sâu phân tích vai trò của nguồn lực con người. Các tác giả nhấn mạnh rằng khai thác hiệu quả nguồn nhân lực là chìa khóa thành công của các quốc gia. Khác với vốn, công nghệ hay tài nguyên, con người là nguồn lực sống động, cần được đào tạo và phát triển liên tục. Những luận điểm này làm nổi bật vai trò trung tâm của con người trong chuyển đổi mô hình phát triển, đặc biệt hữu ích trong nghiên cứu về nguồn lực con người cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

1.1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến nguồn lực cho phát triển nông nghiệp

Một số nghiên cứu nước ngoài của Miguel A. Altieri, Fernando R. Funes-Monzote and Paulo Petersen (2012), Stephen R. Gliessman (2014) đã đặt nền tảng lý luận toàn diện cho việc hiểu và xây dựng các hệ thống lương thực bền vững thông qua lăng kính sinh thái học nông nghiệp. Các tác giả phân tích sâu những yếu tố sinh thái và tài nguyên ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi và cấu trúc phức hợp của hệ sinh thái nông nghiệp, từ yếu tố di truyền, cảnh quan, quá trình chuyển đổi cho đến chỉ số đánh giá tính bền vững.

Những công trình nghiên cứu trong nước đều chỉ ra rằng việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về đất đai, lao động, vốn và khoa học - công nghệ có ý nghĩa quyết định trong nâng cao giá trị gia tăng và cải thiện thu nhập cho người sản xuất. Trong đó, nhấn mạnh vai trò của nguồn lao động nông thôn. Tuy nhiên, chất lượng nguồn lực này vẫn còn nhiều hạn chế, nổi bật là: tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp; chất lượng và cơ cấu đào tạo chưa hợp lý, còn thiên lệch giữa đào tạo nghề và bậc đại học, cao đẳng; lao động nông thôn còn chịu ảnh hưởng của tư duy sản xuất lạc hậu, thiếu tính chiến lược, thụ động và manh mún.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp sinh thái và nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

1.1.2.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp sinh thái

Nhiều công trình nghiên cứu đã tập trung làm rõ vai trò, đặc trưng, lợi ích và định hướng phát triển của mô hình nông nghiệp sinh thái trong bối cảnh toàn cầu hướng tới bền vững, tiêu biểu như nghiên cứu của Angelika Hilbeck, Bernadette Oehen (2018), Linh Pham, Gerald Shively (2019), Harri Ram Prajapati (2020).

Ở Việt Nam, đặc biệt là kể từ khi khái niệm “nông nghiệp sinh thái” chính thức được đưa ra trong các văn kiện của Đại hội XIII, những vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp sinh thái đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học. Đặc biệt, tác giả Cao Đức Phát (2022) khẳng định: Phát triển nông nghiệp sinh thái nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả và bảo vệ các nguồn tài nguyên, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các thế hệ. Tác giả Nguyễn Minh Quang và các cộng sự (2021) đưa ra khái niệm nông nghiệp sinh thái góp phần gợi mở cách tiếp cận cho luận án.

1.1.2.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Các công trình nước ngoài và trong nước đã bàn đến một số nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái như: nguồn lực con người, nguồn lực khoa học - công nghệ nhất là ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và công nghệ số vào sản xuất, quản lý và chuỗi giá trị nông nghiệp. Theo các tác giả, cần đặc biệt chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, qua đó phát triển nguồn nhân lực nông thôn chất lượng cao.

Bên cạnh đó, đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu đề cập đến giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, khai thác tiềm năng và lợi thế của các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, cũng như ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại Hoà Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc của các tác giả Bùi Mỹ Linh (2020), Lê Tất Khương, Nguyễn Kim Tuấn, Vũ Văn Đàm, Nguyễn Văn Tiến, Chu Huy Tường (2021) và Đỗ Đức Quân (2022). Những nghiên cứu này cho thấy bước đầu trong việc tiếp cận và luận giải các vấn đề liên quan đến nguồn lực cho phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả của những công trình nghiên cứu đã tổng quan

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, có thể khái quát kết quả trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, một số công trình đã tập trung luận giải những vấn đề lý luận về nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung và cho phát triển nông nghiệp nói riêng. Các nghiên cứu này làm rõ vai trò của từng loại nguồn lực trong tăng trưởng và

phát triển, đặc biệt nhấn mạnh nguồn lực con người là nhân tố quyết định, nguồn lực khoa học - công nghệ là động lực quan trọng bên cạnh các nguồn lực khác như vốn, cơ chế, chính sách và thể chế quản lý. Ngoài ra, nhiều công trình quốc tế đã phân tích các vấn đề lý luận về nông nghiệp sinh thái, góp phần làm rõ khái niệm, nội hàm, đặc điểm và vai trò của nông nghiệp sinh thái đối với phát triển bền vững.

Thứ hai, một số công trình nghiên cứu đi sâu phân tích thực trạng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp ở Việt Nam nói chung và nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái nói riêng trên cả hai khía cạnh là ưu điểm và hạn chế.

Thứ ba, một số công trình đã đề xuất các định hướng và giải pháp phát huy nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp, song các nghiên cứu chuyên sâu về giải pháp tổng thể cho phát triển nông nghiệp sinh thái còn ít.

Thứ tư, một số công trình bước đầu nghiên cứu phát triển nông nghiệp và nông nghiệp sinh thái tại các địa phương như tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc (trước khi hợp nhất thành tỉnh Phú Thọ mới).

1.2.2. Khoảng trống trong nghiên cứu trước đó và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa kết quả của các công trình khoa học đã công bố, đồng thời xuất phát từ định hướng nghiên cứu của luận án, để góp phần thu hẹp khoảng trống đã nhận diện, luận án hướng tới giải quyết những nội dung cơ bản sau:

Một là, luận án sẽ làm rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở địa phương cấp tỉnh, đặc biệt là làm sáng tỏ sự cần thiết phải phát huy đồng bộ các nguồn lực (nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ, nguồn lực tài chính) trong bối cảnh phát triển bền vững và chuyển đổi xanh hiện nay. Đồng thời, luận án cũng sẽ phân tích mối quan hệ tương tác, bổ trợ giữa các nguồn lực, qua đó xây dựng khung lý luận tổng hợp cho việc phát huy hiệu quả các nguồn lực trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở địa phương.

Hai là, về mặt thực tiễn, luận án sẽ phân tích và đánh giá toàn diện thực trạng huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái của ba tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2024, trước khi hợp nhất thành tỉnh Phú Thọ mới. Trên cơ sở đó, luận án tập trung làm rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quá trình huy động và sử dụng các nguồn lực ở từng địa phương cũng như đánh giá hiệu quả tổng hợp từ sự phối hợp giữa các nguồn lực này đối với phát triển nông nghiệp sinh thái.

Ba là, luận án sẽ phân tích bối cảnh mới sau khi hợp nhất ba tỉnh thành tỉnh Phú Thọ mới, đánh giá những cơ hội và thách thức tác động đến việc huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các quan điểm và hệ thống giải pháp mang tính khả thi, bảo đảm phát huy đồng bộ, hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy nông nghiệp sinh thái phát triển bền vững đến năm 2035.

Bốn là, về phương pháp tiếp cận, luận án sẽ nghiên cứu vấn đề phát huy nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái dưới góc độ Kinh tế chính trị, qua đó xem xét sự tác động qua lại giữa thể chế, chính sách, lợi ích kinh tế và các chủ thể xã hội, nhằm bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Năm là, luận án sẽ bổ sung bằng chứng thực tiễn mới, thông qua khảo sát, phỏng vấn chuyên sâu và phân tích dữ liệu thực tế tại địa phương, nhằm làm rõ vai trò và tác động của từng nguồn lực, đồng thời đề xuất chính sách cụ thể, phù hợp với đặc thù của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, nghiên cứu sinh đã tiến hành tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án trên hai phương diện chủ yếu: (1) Những công trình nghiên cứu về nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng; (2) Những công trình nghiên cứu về nông nghiệp sinh thái và nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái. Trên cơ sở tổng quan, luận án đã khái quát những kết quả chủ yếu mà các công trình nghiên cứu trước đã đạt được, xác định rõ những vấn đề mà luận án sẽ tập trung làm sáng tỏ, bao gồm: hoàn thiện cơ sở lý luận về nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở cấp tỉnh; phân tích thực trạng huy động, sử dụng các nguồn lực ở các địa phương; đề xuất hệ thống quan điểm, giải pháp phát huy hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái tại tỉnh Phú Thọ đến năm 2035.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

2.1. NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nông nghiệp sinh thái

2.1.1.1. Khái niệm nông nghiệp sinh thái

Kế thừa các thành tựu nghiên cứu trong nước và quốc tế, đồng thời quán triệt định hướng của Đảng về xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, luận án xác định: *Nông nghiệp sinh thái là mô hình phát triển nông nghiệp dựa trên khai thác hợp lý lợi thế vùng miền và tiềm năng tự nhiên, kết hợp với ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại và đổi mới sáng tạo nhằm hướng tới phát triển bền vững; bảo đảm sự hài hòa giữa hiệu quả kinh tế, an toàn sinh thái và giá trị xã hội - nhân văn.*

Bản chất của nông nghiệp sinh thái được thể hiện qua ba trụ cột: i) Tối ưu hóa tài nguyên tự nhiên và tri thức bản địa; ii) Ứng dụng công nghệ để nâng cao năng

suất, chất lượng và giá trị gia tăng; iii) Thiết lập sự cân bằng giữa con người - thiên nhiên - xã hội, góp phần xây dựng hệ thống lương thực an toàn và chống chịu tốt với biến đổi khí hậu.

2.1.1.2. Đặc điểm của nông nghiệp sinh thái

Luận án khái quát một số đặc điểm tiêu biểu của nông nghiệp sinh thái là: Phát triển dựa trên lợi thế vùng, miền; Khả năng tích hợp công nghệ và đổi mới sáng tạo; Hướng tới phát triển bền vững và tuần hoàn; Tính hài hòa giữa giá trị kinh tế và giá trị xã hội; Đề cao vai trò của các chủ thể và sự kết nối cộng đồng.

Những đặc điểm này không chỉ phản ánh bản chất của nông nghiệp sinh thái với tư cách là một mô hình sản xuất mới, mà còn cho thấy sự khác biệt căn bản so với nông nghiệp truyền thống.

2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

2.1.2.1. Khái niệm nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Luận án làm rõ hai khái niệm cốt lõi có ý nghĩa nền tảng cho việc tiếp cận và phân tích nội dung nghiên cứu:

(1) *Nguồn lực là tổng thể các điều kiện, năng lực và sức mạnh vật chất, tinh thần mà chủ thể có thể huy động và sử dụng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển trong một giai đoạn nhất định.*

(2) *Nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái là tổng thể các điều kiện, yếu tố vật chất và phi vật chất mà các chủ thể có thể huy động và sử dụng một cách hiệu quả nhằm xây dựng, vận hành và mở rộng mô hình nông nghiệp sinh thái theo hướng bền vững.*

2.1.2.2. Đặc điểm của nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Trong bối cảnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng và thân thiện với môi trường, nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái không chỉ là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, mà còn là các điều kiện tổng hợp, có tính tương tác chặt chẽ và định hướng lâu dài, nhằm bảo đảm vận hành hiệu quả của toàn bộ hệ thống nông nghiệp sinh thái. Những đặc điểm nổi bật của nguồn lực trong mô hình này bao gồm: Tính tích hợp và đa chiều; Tính gắn kết và tương hỗ; Tính địa phương hóa và khả năng thích ứng cao; Tính tái tạo, tuần hoàn và định hướng phát triển bền vững; Tính động và phụ thuộc vào tổ chức, quản trị.

2.2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

2.2.1. Bản chất của huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái được hiểu là một quá trình thống nhất, liên hoàn, trong đó việc huy động tạo tiền đề đầu vào,

còn việc sử dụng quyết định hiệu quả đầu ra. Hai nội dung này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và cùng hướng tới mục tiêu phát triển nông nghiệp sinh thái theo hướng hiệu quả kinh tế, công bằng xã hội và bền vững môi trường.

2.2.2. Những yêu cầu đặc thù, phù hợp với bản chất việc huy động, sử dụng nguồn lực nhằm đạt mục tiêu của nông nghiệp sinh thái

2.2.2.1. Yêu cầu đối với nguồn lực con người

Nguồn lực con người trong nông nghiệp sinh thái bao gồm người nông dân, cán bộ kỹ thuật, chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước. Mỗi chủ thể có vai trò riêng trong huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực này nhằm thúc đẩy sản xuất sinh thái theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Người nông dân là lực lượng nòng cốt, trực tiếp sản xuất và vận hành hệ thống nông nghiệp sinh thái. Yêu cầu đối với huy động, sử dụng nguồn lực con người trong nông nghiệp sinh thái là sự phát triển toàn diện cả về trình độ, kỹ năng, tư duy sinh thái, năng lực tổ chức cộng đồng và tinh thần đổi mới. Khi con người được đặt vào vị trí trung tâm của hệ thống được trao quyền, được đào tạo, hỗ trợ và kết nối, thì nông nghiệp sinh thái mới thực sự phát huy hiệu quả, phát triển bền vững và lan tỏa sâu rộng trong thực tiễn.

2.2.2.2. Yêu cầu với nguồn lực tự nhiên

Nguồn lực tự nhiên như đất đai, nước, khí hậu và đa dạng sinh học là nền tảng thiết yếu trong phát triển nông nghiệp sinh thái. Yêu cầu đặt ra là phải khai thác nguồn lực tự nhiên một cách tiết kiệm, hiệu quả và có trách nhiệm. Cụ thể: Đất đai cần được canh tác theo hướng sinh thái: chống xói mòn, bảo vệ độ phì nhiêu, khôi phục hệ vi sinh và tái tạo kết cấu đất; Nguồn nước phải được quản lý tổng hợp, ứng dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm và khai thác tuần hoàn; Đa dạng sinh học cần được bảo tồn và phát huy thông qua giống bản địa, cây, con thích ứng và chuỗi sản xuất sinh học; Quy hoạch tài nguyên cần phù hợp từng vùng sinh thái, tránh xâm lấn vào rừng, đất ngập nước hay các hệ sinh thái nhạy cảm.

2.2.2.3. Yêu cầu với nguồn lực khoa học - công nghệ

Trong bối cảnh nông nghiệp sinh thái, yêu cầu đặt ra với công nghệ không chỉ là tính hiện đại, mà còn phải thân thiện môi trường, thích ứng sinh thái và phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Công nghệ cần hướng tới tối ưu hóa nguồn lực tự nhiên, nâng cao hiệu quả canh tác, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và bảo đảm an toàn thực phẩm.

Các công nghệ chủ yếu bao gồm: công nghệ sinh học (sản xuất phân hữu cơ, chế phẩm vi sinh, giống kháng bệnh), công nghệ tuần hoàn (tái chế phụ phẩm nông nghiệp), hệ thống tưới tiêu tiết kiệm, phòng trừ sinh học và công nghệ số (IoT, AI, Big Data) nhằm giám sát môi trường canh tác, truy xuất nguồn gốc, cảnh báo dịch hại và kết nối thị trường.

2.2.2.4. Yêu cầu với nguồn lực tài chính

Tài chính là nguồn lực nền tảng bảo đảm cho quá trình đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cấp hạ tầng, đào tạo nhân lực và xây dựng mô hình sản xuất sinh thái theo chuỗi giá trị. Trong nông nghiệp sinh thái, đặc thù sản xuất đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn, thời gian thu hồi dài, rủi ro cao, nên yêu cầu đối với nguồn lực tài chính không chỉ nằm ở quy mô, mà còn ở khả năng tiếp cận, tính ổn định và hiệu quả phân bổ. Để đáp ứng yêu cầu này, cần mở rộng các kênh tài chính đa dạng và bền vững.

2.3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

2.3.1. Tiêu chí đánh giá việc huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Luận án xây dựng ba nhóm tiêu chí cốt lõi:

Tiêu chí 1: Đánh giá đặc điểm, hiện trạng, tiềm năng phát triển các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Tiêu chí 2: Đánh giá kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Tiêu chí 3: Đánh giá kết quả đạt được của nông nghiệp sinh thái từ việc huy động và sử dụng các nguồn lực.

2.3.2. Những nhân tố tác động đến huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở địa phương cấp tỉnh

Các nhân tố chủ yếu bao gồm:

Một là, tác động của điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội đến huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái cấp tỉnh.

Hai là, tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai đến huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở cấp tỉnh.

Ba là, tác động của xu thế nông nghiệp hữu cơ - sinh thái toàn cầu đến chuyển dịch và huy động nguồn lực phát triển nông nghiệp sinh thái ở cấp tỉnh.

Bốn là, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tác động đến huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Năm là, tác động của nhu cầu thị trường đối với huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở cấp tỉnh.

2.4. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH TRONG HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO TỈNH PHÚ THỌ

2.4.1. Kinh nghiệm của một số địa phương cấp tỉnh trong huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

2.4.1.1. Kinh nghiệm của thành phố Hà Nội

Với điều kiện tự nhiên, sinh thái và văn hóa đa dạng, cùng vị trí địa lý thuận lợi

trong kết nối vùng, Hà Nội có nhiều tiềm năng và lợi thế nổi bật để phát triển nông nghiệp sinh thái. Việc quy hoạch vùng nông thôn gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái được Thành phố xác định là chủ trương đúng đắn, có ý nghĩa chiến lược, hướng tới phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững và nâng cao đời sống người dân.

Những kinh nghiệm quan trọng của Hà Nội là: (1) Xác định nông dân là chủ thể trung tâm của phát triển nông nghiệp sinh thái; (2) Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nông nghiệp sinh thái với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; (3) Phát huy vai trò của tổ chức Hội Nông dân và các lực lượng xã hội trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn; (4) Chuyển giao khoa học - công nghệ gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp.

2.4.1.2. Kinh nghiệm của tỉnh Sơn La

Là tỉnh miền núi thuộc khu vực Tây Bắc, Sơn La đã chủ động chuyển đổi mạnh mẽ mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp sinh thái, coi đây là hướng đi tất yếu và bền vững.

Trong huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Sơn La, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau: (1) Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực tự nhiên gắn với chuyển đổi xanh và chuyển đổi số trong nông nghiệp; (2) Phát huy vai trò của Nhà nước và mô hình hợp tác xã kiểu mới trong tổ chức, liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản sinh thái; (3) Kết hợp phát triển cây trồng chủ lực với công nghiệp chế biến, tạo chuỗi giá trị nông sản bền vững.

2.4.1.3. Kinh nghiệm của tỉnh Tuyên Quang

Tỉnh Tuyên Quang với địa hình đa dạng giúp hình thành nhiều tiểu vùng sinh thái khác nhau, phù hợp với sản xuất nông nghiệp hữu cơ, canh tác tuần hoàn và phát triển chăn nuôi theo hướng tự nhiên, gắn với bảo tồn cảnh quan và hệ sinh thái bản địa.

Nghiên cứu thực tiễn ở tỉnh Tuyên Quang, có thể rút ra một số kinh nghiệm trong huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái, gồm: (1) Phát huy nguồn lực tự nhiên trong lựa chọn các loại cây trồng có lợi thế; (2) Chú trọng đào tạo nhân lực, thu hút vốn đầu tư từ doanh nghiệp; (3) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sinh thái thông qua nguồn lực tài chính tạo động lực quan trọng để các hợp tác xã và hộ sản xuất mạnh dạn chuyển đổi phương thức canh tác, xây dựng mô hình hữu cơ gắn với chế biến, thương mại hóa và phát triển thương hiệu nông sản sinh thái trên địa bàn tỉnh.

2.4.1.4. Kinh nghiệm của tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh miền núi phía Nam Tây Nguyên, được chia thành ba vùng sinh thái rõ rệt (dưới 500 m; từ 500 - 800 m và từ 800 - 1.500 m). Hiện nay, diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 62.000 ha, mang lại giá trị sản xuất bình quân 180 triệu đồng/ha/năm; riêng rau đạt 400 - 500 triệu đồng/ha/năm,

hoa đạt 800 triệu đến 1,2 tỷ đồng/ha/năm. Đây là minh chứng rõ cho hiệu quả vượt trội của mô hình nông nghiệp sinh thái công nghệ cao.

Một số kinh nghiệm của tỉnh Lâm Đồng có ý nghĩa gợi mở sâu sắc cho tỉnh Phú Thọ trong trong huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái là: (1) Kết hợp hài hòa giữa lợi thế tự nhiên và ứng dụng khoa học - công nghệ cao trong phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn; (2) Gắn phát triển nông nghiệp với du lịch canh nông, kinh tế rừng và dịch vụ sinh thái, hình thành chuỗi giá trị kinh tế xanh, đa lợi ích; (3) Phát huy vai trò thể chế và chính sách địa phương trong hỗ trợ chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững cả về kinh tế, môi trường và xã hội; (4) Phát triển nông nghiệp sinh thái cần được đặt trong liên kết vùng.

2.4.2. Bài học rút ra cho tỉnh Phú Thọ trong huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Từ các kinh nghiệm nêu trên, luận án rút ra sáu bài học chính:

Thứ nhất, huy động tổng thể và tích hợp các nguồn lực tạo lực đẩy cộng hưởng cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ hai, con người là trung tâm, khoa học - công nghệ là động lực đổi mới cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ ba, phát triển mô hình nông nghiệp bản địa nhằm khai thác tối đa lợi thế vùng miền cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ tư, hệ thống chính trị cơ sở là đòn bẩy chiến lược hỗ trợ và phát huy vai trò chủ thể của nhân dân cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ năm, thúc đẩy liên kết vùng, hợp tác công tư để mở rộng quy mô và gia tăng giá trị cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Thứ sáu, chuyển đổi số là nền tảng xây dựng nông nghiệp tuần hoàn, xanh và bền vững cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các luận điểm lý luận, chương này đã xây dựng khung phân tích về huy động và sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái, gồm bốn nguồn lực chính: Nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính. Việc đánh giá nguồn lực cần đồng thời xét đến tiềm năng nội tại và mức độ huy động, khai thác trong thực tiễn, đặc biệt khi đặt trong so sánh với mô hình nông nghiệp truyền thống.

Bên cạnh đó, chương 2 đã chỉ ra kinh nghiệm thực tiễn từ một số địa phương trong nước và rút ra bài học cho tỉnh Phú Thọ cần tiếp cận tổng thể, linh hoạt; đặt con người làm trung tâm; coi công nghệ và tư duy xanh là động lực; đồng thời, xây dựng mô hình thích ứng với đặc thù của địa phương trung du miền núi.

Chương 3

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ TRƯỚC HỢP NHẤT

3.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ TRƯỚC HỢP NHẤT

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

Với địa hình phân tầng, khí hậu ôn hòa, tài nguyên đất dồi dào và hệ thống nguồn nước phong phú đã tạo nền tảng vững chắc để ba tỉnh trước hợp nhất huy động hiệu quả nguồn lực tự nhiên cho phát triển nông nghiệp sinh thái. Khi tỉnh Phú Thọ mới được thành lập, những điều kiện đó trở thành lợi thế chiến lược nếu được quy hoạch khoa học và đầu tư đúng hướng để chuyển hóa tiềm năng thành năng lực cạnh tranh thực sự trong sản xuất sinh thái.

3.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Trước khi hợp nhất, ba tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc đều sở hữu những đặc điểm kinh tế - xã hội mang tính bổ trợ và tương hỗ, tạo nền tảng thuận lợi cho định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái của tỉnh Phú Thọ mới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ổn định (trung bình 7,5%) tạo nền tảng tài chính thuận lợi giúp tỉnh có khả năng huy động nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp sinh thái, cả từ ngân sách và khu vực tư nhân. Lực lượng lao động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng lớn là điều kiện quan trọng để tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi mô hình canh tác và mở rộng quy mô các hình thức nông nghiệp sinh thái. Sự đa dạng về hệ sinh thái và sản phẩm địa phương cho phép tỉnh phát triển các vùng sản xuất chuyên biệt gắn với thế mạnh đặc thù từng khu vực, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai và nguồn lực tự nhiên. Đặc biệt, nền văn hóa dân gian phong phú với nhiều di sản phi vật thể đã trở thành lợi thế mềm, giúp gắn sản xuất với du lịch trải nghiệm, tạo thêm dòng vốn mới và gia tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp sinh thái.

3.2. HIỆN TRẠNG HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ TRƯỚC HỢP NHẤT

3.2.1. Hiện trạng huy động, sử dụng nguồn lực con người cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Nhằm huy động hiệu quả nguồn lực lao động phục vụ phát triển nông nghiệp sinh thái, các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách cụ thể về đào tạo nghề, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người lao động nông thôn.

Phát huy vai trò trung tâm của hợp tác xã nông nghiệp trong tổ chức lại sản xuất theo hướng sinh thái và bền vững. Thông qua việc phát triển các mô hình hợp tác xã kiểu mới, nhiều địa phương đã từng bước chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ, phân tán sang sản xuất tập trung, quy mô lớn và thân thiện với môi trường - phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái trong giai đoạn mới.

Bảng 3.5: Số lượng hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trước khi hợp nhất, giai đoạn 2021 - 2024

Đơn vị: Hợp tác xã

Năm	Tỉnh Hoà Bình	Tỉnh Phú Thọ	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tổng
2021	317	370	264	951
2022	322	321	290	933
2023	355	414	344	1.113
2024	422	435	402	1.259

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2024

Bên cạnh đó, nhờ có những thay đổi tích cực trong chủ trương, chính sách của tỉnh là sự tham gia ngày càng nhiều của các doanh nghiệp lớn trong việc đầu tư, hỗ trợ nông dân phát triển nông nghiệp sinh thái.

3.2.2. Hiện trạng huy động, sử dụng nguồn lực tự nhiên cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Việc hợp nhất ba tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc không chỉ đánh dấu bước chuyển quan trọng trong điều chỉnh địa giới hành chính, mà còn mở ra cơ hội tái cấu trúc không gian phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, gắn kết liên vùng. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp sinh thái nổi lên như một trụ cột phát triển chiến lược, dựa trên huy động, sử dụng hiệu quả hệ thống nguồn lực tự nhiên phong phú, vốn đã hình thành qua thực tiễn phát triển của ba tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2024. Cụ thể là: Vị trí địa lý và địa hình là nền tảng kết nối sinh thái liên vùng; khí hậu và thủy văn là điều kiện lý tưởng cho sản xuất sinh thái; tài nguyên đất với sự phân hoá sinh thái là tiềm năng canh tác đa dạng; hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học tạo nên không gian sản xuất gắn với bảo tồn; nguồn nước và hệ thống thủy lợi góp phần bảo đảm an ninh nước cho phát triển bền vững; kết nối không gian sinh thái - văn hóa - du lịch tạo nên chuỗi giá trị đặc sắc vùng.

3.2.3. Hiện trạng huy động, sử dụng nguồn lực khoa học - công nghệ cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Trước hợp nhất, tỉnh Phú Thọ (gồm ba tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc) đã có nhiều nỗ lực trong việc huy động và ứng dụng nguồn lực khoa học - công nghệ nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng còn

phân hóa rõ rệt giữa các vùng và quy mô sản xuất, chủ yếu tập trung tại các địa bàn có sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án.

Tại Hòa Bình, việc áp dụng công nghệ vi sinh trong chăn nuôi và xử lý chất thải đã được triển khai ở một số địa phương như Lạc Thủy, Mai Châu, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực trong việc giảm thiểu ô nhiễm và nâng cao hiệu suất chăn nuôi. *Tại Phú Thọ* đã triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong trồng chè hữu cơ tại Thanh Sơn, Tân Sơn; sử dụng chế phẩm sinh học và phân hữu cơ thay thế phân hóa học trong canh tác rau màu, cây ăn quả tại Lâm Thao, Phù Ninh. Một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao, như nhà màng - nhà lưới sản xuất rau an toàn, cũng được thí điểm tại khu vực ven đô như thành phố Việt Trì. *Tại Vĩnh Phúc*, hoạt động ứng dụng khoa học - công nghệ tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng và trung tâm kinh tế như Vĩnh Tường, Lập Thạch với mô hình sản xuất theo chuỗi khép kín, sử dụng giống lai tạo năng suất cao và công nghệ số trong quản lý quy trình sản xuất.

Không những vậy, tỉnh còn thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp sinh thái. Đây cũng là chủ trương phát triển theo chiều sâu, dùng khoa học - công nghệ để nâng cao sản lượng và giá trị sản phẩm, tạo ra những nông sản có sức cạnh tranh trên thị trường.

3.2.4. Hiện trạng huy động, sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Các địa phương đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế khuyến khích phù hợp với điều kiện thực tiễn, tập trung vào việc hỗ trợ đầu tư hạ tầng nông thôn, chuyển giao kỹ thuật, tín dụng ưu đãi và khuyến nông - khuyến lâm.

Đáng chú ý, nguồn lực tài chính từ ngân sách địa phương, cùng với sự hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và các chương trình mục tiêu quốc gia, đã được phân bổ cho các hoạt động cụ thể như: phát triển mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, xử lý chất thải trong chăn nuôi, phục hồi hệ sinh thái nông thôn và xây dựng mô hình trình diễn sản xuất bền vững.

Tại Phú Thọ, các vùng núi như Tân Sơn, Yên Lập, Thanh Sơn đã được ưu tiên bố trí vốn cho phát triển vùng chè hữu cơ, dược liệu dưới tán rừng và các mô hình VAC sinh thái. *Vĩnh Phúc* chú trọng hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là trong lĩnh vực rau an toàn và cây ăn quả tại Vĩnh Tường, Tam Dương. *Hòa Bình* phân bổ nguồn lực cho phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái ở vùng dân tộc thiểu số, ứng dụng công nghệ vi sinh và xử lý môi trường trong chăn nuôi tại các địa bàn như Mai Châu, Đà Bắc.

Tuy nhiên, tổng thể quy mô nguồn lực tài chính vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tiễn, việc huy động vốn ngoài ngân sách còn gặp nhiều khó khăn, nhất là trong thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp sinh thái. Cơ chế quản lý và giám

sát phân bổ vốn ở một số nơi còn thiếu linh hoạt, chưa thực sự tạo động lực dài hạn cho người sản xuất và các chủ thể tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững.

3.3. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ TRƯỚC HỢP NHẤT

3.3.1. Kết quả đạt được từ việc huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất

Các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái không tồn tại tách rời nhau mà có mối quan hệ qua lại, tương tác với nhau. Bản thân việc huy động, sử dụng mỗi nguồn lực có những kết quả riêng, song cũng mang lại những kết quả chung cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất trong những năm gần đây.

Thứ nhất, tỉnh đã triển khai các mô hình nông nghiệp sinh thái phù hợp với lợi thế riêng của từng địa phương.

Một số mô hình phát triển nông nghiệp sinh thái tiêu biểu trên địa bàn các tỉnh như: (1) Mô hình chăn nuôi bò thịt trên nền đệm lót sinh học, quy mô 1.300 con; (2) Mô hình ứng dụng hệ thống cảm biến kiểm soát các yếu tố môi trường nước trong nuôi cá nước ngọt thâm canh cao quy mô 06 ha mặt nước với tổng số cá giống hỗ trợ 60.000 con; (3) Mô hình xử lý gốc rơm rạ trên cây lúa quy mô 10.000 ha, hỗ trợ 280.000kg chế phẩm xử lý rơm rạ; (4) Mô hình sản xuất mạ khay, cấy lúa bằng máy quy mô 100 ha; (5) Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ chuỗi ở Hạ Hòa, với quy mô 110 ha; (6) Mô hình sản xuất gạo hữu cơ và chế biến sản phẩm từ gạo tại xã Hùng Việt (Cẩm Khê) quy mô 200 ha được chứng nhận VietGAP.

Thứ hai, về kết quả sản xuất nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất.

Phát triển nông nghiệp sinh thái tại tỉnh Phú Thọ đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Sản xuất nông nghiệp từng bước dịch chuyển theo hướng an toàn, tập trung và gia tăng giá trị hàng hóa; tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành ước đạt khoảng 3,6%/năm. Tỉnh đã hình thành được các vùng sản xuất chuyên canh tập trung như: trên 56 nghìn ha lúa chất lượng cao, 4,2 nghìn ha rau màu an toàn và 15,6 nghìn ha cây ăn quả theo hướng hữu cơ, VietGAP. Bên cạnh đó, chăn nuôi được quy hoạch theo mô hình trang trại, gia trại tập trung, thân thiện với môi trường, với quy mô đàn lợn đạt 454,4 nghìn con, đàn gà khoảng 5,3 triệu con và đàn bò gần 13,9 nghìn con. Những kết quả này cho thấy xu hướng chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái đang được triển khai đúng hướng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường.

Thứ ba, gia tăng số lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP và sản phẩm được hỗ trợ đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Việc gia tăng sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên tại Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2024 cho thấy các địa phương đang đẩy mạnh tiêu chuẩn hóa,

nâng cao chất lượng sản xuất và chú trọng tới yếu tố sinh thái như truy xuất nguồn gốc, sản xuất sạch, hữu cơ.

Bên cạnh đó, các sản phẩm đạt chuẩn thực hành nông nghiệp tốt đóng vai trò vừa thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, vừa góp phần gìn giữ môi trường và bảo đảm yếu tố xã hội bền vững. Theo thống kê, tỉnh Phú Thọ trước khi hợp nhất có 3,9 nghìn ha được cấp chứng nhận VietGAP; 153 ha chứng nhận GlobalGAP; 1,9 nghìn ha chứng nhận RA; 108,6 ha chứng nhận hữu cơ và đã cấp 732 mã vùng trồng với tổng diện tích 9,1 nghìn ha. Hình thành 219 chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu bưởi, chuối; chăn nuôi bò sữa. Đây là tiền đề quan trọng để mở rộng phát triển nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh trong những năm tới.

Thứ tư, tăng thu nhập cho người dân nhờ tham gia vào các mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái.

Việc triển khai mô hình nông nghiệp sinh thái tại các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt cho người dân, khi sản xuất được tổ chức theo quy trình an toàn, chất lượng sản phẩm nâng cao và giá trị gia tăng lớn hơn. Nhờ ứng dụng kỹ thuật canh tác bền vững, sử dụng giống tốt và chế phẩm sinh học, chi phí đầu vào được sử dụng hiệu quả hơn, đồng thời năng suất và tỷ lệ sản phẩm hàng hóa tăng lên. Sự liên kết giữa nông dân với hợp tác xã và doanh nghiệp cũng giúp đảm bảo đầu ra ổn định, giảm rủi ro về giá cả và thị trường. Ở nhiều địa phương, mô hình này còn kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng và khai thác bản sắc văn hóa, tạo thêm nguồn thu phụ trợ. Nhờ đó, thu nhập của các hộ tham gia không chỉ tăng trực tiếp từ sản xuất mà còn được củng cố bền vững về lâu dài.

Thứ năm, thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong nông nghiệp.

Công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp ngày càng được ba tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc quan tâm và triển khai đồng bộ. Các tỉnh tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Bảo vệ môi trường đến các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, đã ban hành Đề án thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải nhựa trong sản xuất trồng trọt giai đoạn 2021 - 2024 nhằm giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp và hướng tới nền nông nghiệp an toàn, bền vững.

3.3.2. Tồn tại hạn chế từ việc huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất

Một là, hạn chế từ việc huy động, sử dụng nguồn lực con người: Những năm qua, mặc dù trình độ của nguồn lao động trên địa bàn các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc nhìn chung cũng đã được cải thiện đáng kể nhưng chủ yếu là lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Trình độ của lao động nông nghiệp còn chậm

được cải thiện. Hiện nay, trình độ công nghệ canh tác, sản xuất của đa số các hộ nông dân (nhất là có ứng dụng công nghệ cao) của tỉnh nhìn chung còn thấp. Vai trò của các hộ nông dân trong các chuỗi liên kết trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp còn ít và yếu, chưa bền vững. Hợp tác xã và tổ nhóm liên kết trong một số trường hợp vẫn chưa phát huy đầy đủ vai trò là “chủ thể tổ chức” của quan hệ sản xuất nông nghiệp sinh thái.

Hai là, hạn chế từ việc huy động, sử dụng nguồn lực tự nhiên: Sự thu hẹp của diện tích đất nông nghiệp, biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm môi trường chính là vấn đề lớn đặt ra cho sử dụng, phát huy nguồn lực tự nhiên cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở cả 03 tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài ra, diện tích đất nông nghiệp ở nhiều nơi trên địa bàn các tỉnh cũng bị chia cắt bởi đường xá, nhà ở, hoặc bị bỏ hoang, không trồng cấy, canh tác. Hơn nữa, chính sách quản lý đất đai còn nhiều bất cập, là rào cản đối với phát triển nông nghiệp quy mô lớn, giảm khả năng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất.

Ba là, hạn chế từ việc huy động, sử dụng nguồn lực khoa học - công nghệ: Thực tế cho thấy, phát triển nông nghiệp sinh thái của tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc tuy đạt được những kết quả tốt đẹp nhưng việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất chưa thực sự được phổ rộng và có chiều sâu. Các mô hình về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện chưa nhiều, mới triển khai ở một số khâu trong toàn bộ chuỗi sản xuất, chưa vươn tới chế biến, trong khi người dân vẫn còn thụ động trong tiếp cận công nghệ mới. Hạ tầng công nghệ và hạ tầng dữ liệu phục vụ quản trị nông nghiệp sinh thái vẫn chưa được xây dựng đồng bộ. Hoạt động nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu cụ thể của sản xuất nông nghiệp sinh thái và các yêu cầu của thị trường trong bối cảnh hội nhập.

Bốn là, hạn chế từ việc huy động và sử dụng nguồn lực tài chính: Nguồn vốn ngân sách cho nông nghiệp sinh thái chủ yếu được lồng ghép trong các chương trình mục tiêu hoặc dự án có thời hạn ngắn. Nguồn lực tài chính từ khu vực xã hội dành cho phát triển nông nghiệp sinh thái tại địa phương vẫn còn hạn chế, chưa tạo được lực đẩy mạnh mẽ để thúc đẩy nông nghiệp sinh thái phát triển theo chiều sâu. Nguồn lực tài chính dành cho đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp sinh thái và phòng, chống thiên tai còn hạn chế, phân tán và chưa được ưu tiên tương xứng.

3.3.3. Nguyên nhân của hiện trạng huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất

3.3.3.1. Nguyên nhân của kết quả huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất

Những kết quả bước đầu trong việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất (gồm ba tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc) xuất phát từ ba nhóm nguyên nhân chính:

Thứ nhất, các địa phương đã nghiêm túc quán triệt và triển khai hiệu quả các quan điểm, định hướng của Đảng về phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với xây dựng nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Thứ hai, các tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách phù hợp để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, đất đai, con người và khoa học - công nghệ cho nông nghiệp sinh thái.

Thứ ba, các địa phương đã khai thác tốt các giá trị văn hóa - xã hội để lồng ghép vào phát triển nông nghiệp sinh thái.

3.3.3.2. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế từ việc huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất

Mặc dù đạt được một số kết quả bước đầu trong phát triển nông nghiệp sinh thái, tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất (bao gồm Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc) vẫn gặp phải nhiều hạn chế xuất phát từ các nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, bất cập trong hệ thống chính sách đất đai và cơ chế hỗ trợ đầu tư nông nghiệp.

Thứ hai, sự cạnh tranh giữa các ngành kinh tế và quá trình đô thị hóa làm suy giảm vai trò của nông nghiệp.

Thứ ba, hạn chế về nhận thức, trình độ và tư duy sản xuất nông nghiệp trong dân cư nông thôn.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, luận án khẳng định, từ năm 2021 đến 2024, thực hiện *Nghị quyết số 19-NQ/TW* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất (gồm ba tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc) đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới. Luận án đã phân tích hiện trạng huy động, sử dụng 04 nguồn lực: nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ trước hợp nhất. Từ đó đánh giá kết quả đạt được từ việc huy động tổng hợp các nguồn lực này cho phát triển nông nghiệp sinh thái trên địa bàn. Tuy nhiên, việc huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái của tỉnh cũng còn nhiều hạn chế cần có những giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm phát huy tốt hơn nữa các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ mới trong thời gian tới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ SAU HỢP NHẤT

4.1. BỐI CẢNH CỦA TỈNH PHÚ THỌ SAU HỢP NHẤT ẢNH HƯỞNG ĐẾN HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI

4.1.1. Lợi thế của tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất tạo điều kiện huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Phú Thọ mới chính thức vận hành sau khi hợp nhất ba tỉnh: Hoà Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc. Sau hợp nhất, vị thế phát triển của Phú Thọ tiếp tục được nâng lên, diện tích tự nhiên đứng thứ 15 cả nước, dân số đứng thứ 11 cả nước, quy mô GRDP đứng thứ 06 cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc, là cầu nối giữa vùng Thủ đô và vùng Tây Bắc rộng lớn, dư địa và không gian phát triển còn nhiều,... đã mở ra cơ hội thuận lợi cho tỉnh phát triển mạnh mẽ, bứt phá trong thời gian tới.

Trong quy hoạch chi tiết phát triển nông nghiệp, tỉnh Phú Thọ xác định phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, sản xuất sản phẩm có giá trị cao theo chuỗi giá trị, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, văn minh. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa lớn, chất lượng cao gắn với chế biến sâu, nâng cao giá trị nông sản, chú trọng đầu tư công nghệ sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc trưng cho vùng, địa phương. Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số và dữ liệu số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4.1.2. Những khó khăn của tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất ảnh hưởng đến huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái

Bên cạnh những chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường của bối cảnh thế giới, những thách thức đối với tỉnh Phú Thọ mới sau khi hợp nhất ba tỉnh chính là sự chênh lệch về trình độ phát triển và định hướng kinh tế giữa các khu vực; áp lực ngày càng lớn từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa trên toàn tỉnh dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong sử dụng đất; với không gian địa lý được mở rộng đã dẫn đến kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn phân mảnh, thiếu kết nối giao thông liên vùng, nội tỉnh; độ mở kinh tế lớn, chất lượng tăng trưởng, thu ngân sách nhà nước chưa thực sự bền vững, phụ thuộc vào khu vực đầu tư nước ngoài; quy mô kinh tế tư nhân còn nhỏ; huy động nguồn lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; nhiều tồn tại từ giai đoạn trước phải tập trung giải quyết; trình độ phát triển kinh tế - xã hội, mức sống, chất lượng nguồn nhân lực giữa các vùng miền có sự chênh lệch, khác biệt lớn,...

4.2. QUAN ĐIỂM HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2035

Để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ đến năm 2035, cần dựa trên những quan điểm chủ yếu sau:

(1) Đặt phát triển nông nghiệp sinh thái trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng và trên cả nước.

(2) Tôn trọng đặc điểm sinh thái - văn hóa từng vùng trong huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

(3) Phân vùng chuyên canh, liên kết vùng trong huy động và sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

(4) Huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái dựa trên cơ sở kết hợp giữa định hướng, hỗ trợ và giám sát của Nhà nước, chính quyền với sự tự giác của người nông dân.

4.3. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2035

4.3.1. Giải pháp chung trong huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ đến năm 2035

Luận án xã định ba nhóm giải pháp chung là:

(1) Kết hợp giữa công tác tuyên truyền với xử lý nghiêm những vi phạm về đất đai, môi trường ảnh hưởng đến huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

(2) Thực hiện quy hoạch, rà soát quy hoạch và bố trí sản xuất theo hướng phát triển nông nghiệp sinh thái.

(3) Xây dựng hệ thống hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái.

4.3.2. Giải pháp trong huy động, sử dụng từng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ đến năm 2035

4.3.2.1. Giải pháp huy động, sử dụng nguồn lực con người cho phát triển nông nghiệp sinh thái

(1) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của nông dân về những lợi thế của phát triển nông nghiệp sinh thái.

(2) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với tư vấn, định hướng cho nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái.

(3) Tạo dựng sinh kế bền vững để thu hút và ổn định lao động trong nông nghiệp sinh thái

(4) Nâng cao vai trò và vị thế của nông dân trong chuỗi giá trị nông nghiệp sinh thái.

(5) Tăng cường vai trò của hợp tác xã như “chủ thể tổ chức” nguồn lực con người.

4.3.2.2. Giải pháp huy động, sử dụng nguồn lực tự nhiên cho phát triển nông nghiệp sinh thái

(1) Quy hoạch phát triển nông nghiệp sinh thái theo vùng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp dựa trên lợi thế từng vùng.

(2) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế tự nhiên, định hướng thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(3) Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh.

(4) Hoàn thiện chính sách quản lý đất đai theo hướng tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

4.3.2.3. Giải pháp huy động, sử dụng nguồn lực khoa học - công nghệ cho phát triển nông nghiệp sinh thái

(1) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tổ chức sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng nông nghiệp sinh thái.

(2) Xây dựng hạ tầng công nghệ và hạ tầng dữ liệu nông nghiệp sinh thái phục vụ quản trị theo chuỗi giá trị.

(3) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong phát triển nông nghiệp sinh thái trên cơ sở học hỏi, tiếp thu những kinh nghiệm, cách làm hay của các địa phương gắn với học hỏi kinh nghiệm quốc tế để thích ứng với quá trình hội nhập quốc tế về nông sản.

4.3.2.4. Giải pháp huy động, sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển nông nghiệp sinh thái

(1) Tiếp tục huy động nguồn vốn từ ngân hàng Nhà nước cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

(2) Tạo cơ chế thu hút vốn tư nhân và doanh nghiệp cho phát triển nông nghiệp sinh thái.

(3) Ưu tiên đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp sinh thái, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

(4) Đổi mới cơ chế tài chính cho khoa học - công nghệ gắn với chuỗi giá trị nông nghiệp sinh thái

Tiểu kết chương 4

Sau hợp nhất, với diện tích tự nhiên hơn 9.361km²; dân số gần 4 triệu người; có 148 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó đất nông nghiệp chiếm hơn 73,7% diện tích tự nhiên, tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển nông nghiệp, trong đó có nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp theo hướng sinh thái.

Chương 4 đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp đồng bộ trong huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất, gồm nhóm giải pháp chung và nhóm giải pháp cụ thể trong huy động, sử dụng từng nguồn lực (nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính). Những giải pháp đó sẽ góp phần hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Phú Thọ trở thành một trong những tỉnh có nền nông nghiệp phát triển bền vững, nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, có ngành công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến đổi nhanh chóng, phức tạp, nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm, cạn kiệt; trong đó nhu cầu của con người mong muốn được sử dụng các sản phẩm sạch, an toàn ngày càng gia tăng, phát triển nông nghiệp sinh thái trở thành một yêu cầu tất yếu. Nông nghiệp sinh thái không phải là nền nông nghiệp hoàn toàn mới mà tiền thân là nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao nhưng nếu các nền nông nghiệp trên hoặc chỉ chú trọng đến nguồn gốc của sản phẩm, hoặc chỉ chú trọng đến các công nghệ được sử dụng thì nông nghiệp sinh thái là nền nông nghiệp đa giá trị, có sự tích hợp cả giá trị kinh tế (lợi nhuận) và giá trị xã hội (tính minh bạch, sự hợp tác, chia sẻ), giá trị môi trường (tính bền vững, hài hòa).

Tỉnh Phú Thọ vốn có nhiều lợi thế và truyền thống lâu đời trong phát triển nông nghiệp. Thực hiện chủ trương của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, nhất là trong *Nghị quyết số 19-NQ/TW* “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (ngày 16/6/2022), Phú Thọ cũng là một trong những tỉnh đi đầu trong quán triệt, triển khai và đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái thông qua việc huy động, sử dụng các nguồn lực cơ bản. Trên nền tảng tiếp cận Kinh tế chính trị, luận án đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở địa phương cấp tỉnh, khẳng định việc huy động, sử dụng đồng bộ các nguồn lực (nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính) là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững. Nhờ đó, tỉnh Phú Thọ đã dần chuyển đổi từ nền nông nghiệp truyền thống sang phát triển nông nghiệp sinh thái, gia tăng năng suất, giá trị nông sản, tăng thu nhập cho người dân và bước đầu trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu ở khu vực đồng bằng sông Hồng có nhiều mô hình sáng tạo trong phát triển nông nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những kết quả bước đầu bởi hiện còn nhiều rào cản, khó khăn trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ.

Trong những năm tiếp theo, nhu cầu của người dân và thị trường về các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc an toàn, thân thiện với môi trường sinh thái, kết tinh cả giá trị kinh tế và văn hóa - xã hội ngày càng gia tăng nên nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Phú Thọ nói riêng có nhiều cơ hội để phát triển. Hơn nữa, trong bối cảnh đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển nông nghiệp sinh thái cũng trở thành xu thế tất yếu. Tuy nhiên, tình trạng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, sự khan hiếm, cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như mặt trái của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa cũng đang là một trong những rào cản lớn cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ. Do đó, cần có những giải pháp thiết thực, có tính khả thi để phát huy các nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học - công nghệ và nguồn lực tài chính cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Phú Thọ. Những giải pháp mà luận án đưa ra trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và phân tích, đánh giá thực trạng nên có ý nghĩa tham khảo đáng kể với tỉnh Phú Thọ trong phát huy các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp sinh thái đến năm 2035.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Phương Hoa (2022), “Phát triển nông nghiệp sinh thái theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Kinh tế và quản lý*, số 44 (4/2022), tr.20-22.
2. Nguyễn Thị Phương Hoa (2022), “Ứng dụng công nghệ cao trong phát triển nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 20 (7/2022), tr.88-90.
3. Nguyễn Thị Phương Hoa (2025), *Phát huy lợi thế của nguồn lực tự nhiên cho phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Vĩnh Phúc*, <http://www.tapchiconsan.org.vn>, đăng ngày 15/3/2025.
4. Nguyễn Thị Phương Hoa (2025), “Phát huy nguồn lực con người cho phát triển nông nghiệp sinh thái”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 350 (3/2025), tr.51-55.
5. Nguyễn Thị Phương Hoa (2025), *Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở tỉnh Vĩnh Phúc*, <http://lyluanchinhtri.vn>, đăng ngày 30/3/2025.
6. Nguyễn Thị Phương Hoa (2025), *Tri thức bản địa trong phát triển du lịch sinh thái*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Nxb Khoa học xã hội.